TÒA ÁN ND HỆN TRIỆU SƠN **TỈNH T HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 11- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN TRIỆU SƠN, TỈNH T HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Triệu Sơn, tỉnh T Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị N - sinh năm 1995.
HKTT: Thôn X, xã T, Hện T, tỉnh T Hóa.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, Hện M, tỉnh Hưng Yên.
- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T - sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn X, xã T, Hện T, tỉnh T Hóa.
Tại phiên tòa, vắng mặt: Chị N, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2022, các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Lương Thị N trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 01/01/2015 tại UBND xã Thọ Sơn, Hện Triệu Sơn, tỉnh T Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T hay chơi bài bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, chị kHên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra xung đột, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm Tr nên đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai

người đó tự lo. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Quý H sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Quý Tr sinh ngày 26/10/2019. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian sống ly thân, anh T không quan tâm chăm sóc con cái, không gửi tiền cho chị nuôi con. Chị làm công nhân, thu nhập bình quân 11.500.000đ/ tháng. Chị nhờ ông bà ngoại giúp đỡ chăm sóc các cháu trong thời gian đi làm. Chị hoàn toàn có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 06 tháng 9 năm 2022, ông Lê T Đăng và bà Trịnh Thị Tâm là bố, mẹ đẻ của anh T trình bày: Gia đình tổ chức cưới cho anh T và chị N vào năm 2015. Vợ chồng anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Sơn. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, gia đình kHên bảo nhiều lần không được. Vợ chồng anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh T làm nghề tự do, không ở một nơi cố định mà hay thay đổi nơi ở, thi thoảng anh T về nhà vài hôm rồi đi. Gia đình đã giao các giấy tờ của Tòa án cho anh T. Anh T và chị N đoàn tụ hay ly hôn là do vợ chồng quyết định. Anh T và chị N có hai con chung: Cháu Lê Quý H và Lê Quý Tr. Các cháu đang sống cùng chị N và ông bà ngoại. Gia đình có gọi điện hỏi thăm các cháu thấy các cháu khỏe mạnh, không bị bạo hành, được đi học đầy đủ. Gia đình không biết mức thu nhập của anh T, anh T không có nhà đất và tài sản nào khác.

Đại điện UBND Thọ Sơn cung cấp: Anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị N và các cháu về ở với ông bà ngoại. Anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã T, Hện T, sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Lê T Đăng và bà Trịnh Thị Tâm. Anh T làm nghề tự do, thi thoảng về nhà, địa phương không biết mức thu nhập của anh T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hện Triệu Sơn, tỉnh T Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quý H và Lê Quý Tr, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu

cầu nên không xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Thọ Sơn, Hện Triệu Sơn, tỉnh T Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên toà lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên toà. Phiên toà mở lại lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn, Hện Triệu Sơn, tỉnh T Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 quyển 1/2015 ngày 01 tháng 01 năm 2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị N tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét. Gia đình đã nhiều lần giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm Tr, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Quý H sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Quý Tr sinh ngày 26/10/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cả hai cháu ở với chị N. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có yêu cầu, nguyện vọng nuôi con cũng như chứng minh các điều kiện nuôi con của mình, do đó Hội đồng xét xử không xác định được nguyện vọng và điều kiện nuôi con của anh T, lỗi thuộc về bị đơn.

Xét nguyện vọng nuôi con của nguyên đơn: Chị N có sức khỏe, công việc và thu nhập ổn định, ngoài ra còn có sự hỗ trợ giúp đỡ của ông bà ngoại chăm sóc các cháu. Trong thời gian các cháu ở với mẹ được chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt về sức khoẻ, không bị bạo hành. Anh T làm nghề tự do, không quan tâm chăm sóc

con cái, không gửi tiền cho chị N nuôi con nhưng chị N vẫn đảm bảo được các điều kiện nuôi con tốt. Vì vậy, để ổn định nơi ở, học tập, sinh hoạt của các cháu mà vẫn đảm bảo quyền lợi cho các cháu nên giao cả hai cháu cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét phần cấp dưỡng. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị N không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc khi anh T có nguyện vọng nuôi con thì anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xử cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung: Cháu Lê Quý H sinh ngày 26/5/2016 và cháu Lê Quý Tr sinh ngày 26/10/2019. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0015890 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Triệu Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niệm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. T Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu